TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 3 – 2019
"V/v tranh chấp HN&GĐ – Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Trần Văn Đô;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Võ Thị Điệp,**

2. Ông **Phạm Phước Tâm.**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 664/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn Đ (Đ Chùa), sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Đ có mặt; chị N đã tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Văn Đ trình bày*:**

- Về hôn nhân: Anh Đ và chị N chung sống với nhau năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có phát sinh mâu thuẫn nhưng vào năm 2013, anh Đ phải đi chấp hành án phạt tù. Trong thời gian

anh Đ đi chấp hành hình phạt thì khoảng 04 đến 05 tháng đầu chị N có vào thăm anh Đ, nhưng sau đó không vào thăm nữa.

Sau khi anh Đ chấp hành án xong trở về nhà thì không biết vì sao chị N bỏ địa phương đi từ tháng 02/2015 đến nay không liên lạc và có tin tức gì. Anh Đ đã nhiều lần tìm kiếm và ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ phát thanh truyền hình Đồng Tháp; đăng thông tin trên trên báo và truyền hình để đăng thông tin tìm kiếm chị N nhưng vẫn không có tin tức. Anh Đ đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N mất tích và được Tòa án giải quyết bằng bản án số: 04/2018/QĐDS-ST, ngày 06/4/2018, quyết định tuyên bố mất tích đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N. Do vợ chồng sống xa nhau trong thời gian dài nên tình cảm đã không còn như trước, khoảng cách vợ chồng ngày càng xa, không ai quan tâm và chăm sóc cho nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Duy Luân, sinh ngày 31/3/2007 và Võ Hạo Thiên, sinh ngày 05/11/2012, hiện đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N đã bị tuyên bố mất tích theo bản án số 04/2018/QĐDS-ST, ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh**.** Hiện nay chị N cũng không có mặt ở địa phương.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy khai sinh Võ Duy Luân, sinh ngày 31/3/2007 (Bản sao);

2. Trích lục khai sinh Võ Hạo Thiên, sinh ngày 05/11/2012 (Bản sao);

3. Giấy CMND và sổ hộ khẩu tên Võ Văn Đ (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Võ Văn Đ có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân, gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung".

Chị Nguyễn Thị Ngọc N là người bị kiện có nơi cư trú cuối cùng là ấp 4, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị N chung sống với nhau năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo anh Đ trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có phát sinh mâu thuẫn nhưng vào năm 2013, anh Đ phải đi chấp hành án đến năm 2015 mới về. Do vợ chồng sống xa nhau trong thời gian dài nên tình cảm đã không còn như trước, khoảng cách vợ chồng ngày càng xa và không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Từ tháng 02/2015, chị N bỏ địa phương đi đến nay không về. Anh Đ đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức và chị N cũng không về địa phương. Do đó, anh Đ đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N mất tích và được Tòa án giải quyết bằng bản án số: 04/2018/QĐDS-ST, ngày 06/4/2018, quyết định tuyên bố mất tích đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N. Nay anh Đ nhận thấy không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

Xét thấy, anh Võ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc N tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng anh Đ và chị N đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *1. Nam, N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*"; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*". Do anh Đ và chị N không đăng ký kết hôn và tình cảm vợ chồng cũng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Võ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc N là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Đ thừa nhận vợ chồng có 02 con chung tên Võ Duy Luân, sinh ngày 31/3/2007 và Võ Hạo Thiên, sinh ngày 05/11/2012, hiện đang sống chung với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là cần xem xét điều kiện chăm sóc và việc phát triển con chung. Do 02 con chung đang sống với anh Đ đang phát triển tốt về mọi mặt và anh Đ cũng có đủ điều kiện nuôi dưỡng. Đồng thời, chị N đã bỏ địa phương đi từ năm 2015 đến nay không chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Anh Đ không yêu chị N cấp dưỡng xét thấy đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Đ. Anh Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Anh Võ Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo Biên lai số 0001199 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc N là vợ chồng.

2. Về con chung:

Anh Võ Văn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng Võ Duy Luân, sinh ngày 31/3/2007 và Võ Hạo Thiên, sinh ngày 05/11/2012. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

Anh Võ Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo Biên lai số 0001199 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND nơi cấp GCN.KH
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Trần Văn Đô